

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14,442,586,563	16,836,387,012
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7,013,532,972	7,356,031,124
1	Tiền	111		293,434,696	456,031,124
2	Các khoản tương đương tiền	112		6,720,098,276	6,900,000,000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3,900,000,000	3,900,000,000
1	Đầu tư ngắn hạn	121		3,900,000,000	3,900,000,000
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2,763,969,264	3,411,948,808
1	Phải thu của khách hàng	131		2,581,217,539	3,290,718,399
2	Trả trước cho người bán	132		64,000,000	78,447,000
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-
4	Các khoản phải thu khác	135	6	148,884,225	72,915,909
5	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(30,132,500)	(30,132,500)
IV	Hàng tồn kho	140		736,660,930	2,067,294,396
1	Hàng tồn kho	141	7	736,660,930	2,067,294,396
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		28,423,397	101,112,684
1	Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	93,367,405
2	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	8	13,921,834	4,519,779
3	Tài sản ngắn hạn khác	158	9	14,501,563	3,225,500
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7,448,090,034	7,101,102,980
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		6,940,555,613	6,452,897,198
1	Tài sản cố định hữu hình	221	10	6,305,978,441	5,813,820,026
	- Nguyên giá	222		24,475,322,840	22,797,254,658
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18,169,344,399)	(16,983,434,632)
2	Tài sản cố định vô hình	227	11	619,640,000	624,140,000
	- Nguyên giá	228		627,140,000	627,140,000
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7,500,000)	(3,000,000)
3	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		14,937,172	14,937,172
III	Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	380,124,000	367,348,000
1	Đầu tư dài hạn khác	258		613,912,600	656,566,800
2	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(233,788,600)	(289,218,800)
V	Tài sản dài hạn khác	260		127,410,421	280,857,782
1	Chi phí trả trước dài hạn			127,410,421	280,857,782
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		21,890,676,597	23,937,489,992

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		2,140,342,673	3,079,072,235
I	Nợ ngắn hạn	310		2,140,342,673	2,981,974,875
1	Vay và nợ ngắn hạn	311			500,000,000
2	Phải trả cho người bán	312		576,543,169	638,592,923
3	Người mua trả tiền trước	313		5,511,240	14,072,300
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	268,042,245	183,035,063
5	Phải trả người lao động	315		1,044,146,905	1,165,849,050
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	228,448,312	363,604,842
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		17,650,802	116,820,697
II	Nợ dài hạn	330		-	97,097,360
1	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
2	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	97,097,360
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		19,750,333,924	20,858,417,757
I	Vốn chủ sở hữu	410		19,750,333,924	20,858,417,757
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	18,049,800,000	18,049,800,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412	15	(60,093,500)	(60,093,500)
2	Cổ phiếu quỹ	414	15	(914,353,746)	(426,930,000)
3	Quỹ đầu tư phát triển	417	15	975,982,824	975,982,824
4	Quỹ dự phòng tài chính	418	15	889,900,300	852,015,239
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	15	809,098,046	1,467,643,194
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		21,890,676,597	23,937,489,992

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phan Quang Thân

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 1 năm 2013

Đinh Châu Tâm Hạnh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu số B03 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác		17,012,494,271	30,510,105,042
2 Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV		(6,711,745,534)	(15,571,273,897)
3 Tiền chi trả cho người lao động		(5,553,347,932)	(6,092,483,365)
4 Tiền chi trả lãi vay		(5,923,610)	(22,057,824)
5 Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp		(370,341,085)	(247,613,662)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		234,647,902	1,141,265,829
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2,667,903,805)	(3,365,784,727)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1,937,880,207	6,352,157,396
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác		(1,678,068,182)	(1,117,213,700)
2 Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác			
3 Tiền chi cho vay, mua các CC nợ của đơn vị khác			(3,900,000,000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác			
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(10,345,800)	
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		53,000,000	
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1,546,395,369	1,423,003,758
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(89,018,613)	(3,594,209,942)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH		(15,000,000)	
2 Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH		(487,423,746)	(20,055,000)
3 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2,050,000,000	1,385,000,000
4 Tiền chi trả nợ gốc vay		(2,550,000,000)	(885,000,000)
5 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1,188,936,000)	(702,832,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2,191,359,746)	(222,887,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(342,498,152)	2,535,060,454
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		7,356,031,124	4,820,970,670
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		7,013,532,972	7,356,031,124
Giám đốc		Kế toán trưởng	

Phan Quang Thân

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 1 năm 2013

Đinh Châu Tâm Hạnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Quý 4 năm 2012

Mẫu số B01 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày
20/3/2006 của Bộ trưởng BTC

Chỉ tiêu		Mã	Th	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm	
		số	Mi	Năm 2012	Năm 2011	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dv	01	16	1,990,917,566	3,178,044,910	15,329,951,246	26,084,303,266
2.	Các khoản giảm trừ	02	16	-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10	16	1,990,917,566	3,178,044,910	15,329,951,246	26,084,303,266
4.	Giá vốn hàng bán	11	17	1,998,850,293	2,703,505,978	13,520,659,292	23,138,759,562
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(7,932,727)	474,538,932	1,809,291,954	2,945,543,704
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	565,843,678	483,043,732	1,546,395,369	1,423,003,758
7.	Chi phí hoạt động tài chính	22	19	3,947,000	37,918,378	(49,506,590)	150,900,202
	<i>Trong đó: Lãi vay</i>	23			3,802,778	5,923,610	25,860,602
8.	Chi phí bán hàng	24		17,579,727	55,899,485	43,753,613	95,158,734
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		410,941,439	559,832,747	2,270,256,287	2,445,439,247
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kd	30		125,442,785	303,932,054	1,091,184,013	1,677,049,279
11.	Thu nhập khác	31	20	1,906,173	13,111,172	4,801,616	128,946,298
12.	Chi phí khác	32	21	14,740,000	19,244,000	79,440,000	123,948,973
13.	Lợi nhuận khác	40		(12,833,827)	(6,132,828)	(74,638,384)	4,997,325
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	22	112,608,958	297,799,226	1,016,545,629	1,682,046,604
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	25,387,240	119,333,129	258,844,410	381,836,183
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	22	87,221,718	178,466,097	757,701,219	1,300,210,421
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	51	101	446	1,612

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phan Quang Thân
Đà Nẵng, ngày 15 tháng 1 năm 2013

Đinh Châu Tâm Hạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Xí nghiệp In Sách Giáo Khoa Hòa Phát thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục tại Quyết định số 7975/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203000201 ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 2 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh thứ 2 vào ngày 14/08/2007.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại thị trường giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 17/11/2006 theo Quyết định số 27/QĐ-TTGDHN ngày 17/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.
- Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu :

4.1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán kế toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổng thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đoois với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.4. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá :

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

- Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao :

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ tài chính.

Mức khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Tỷ lệ khấu hao năm (%)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 20
Máy móc thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3

4.5. Tài sản cố định vô hình :

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thuộc diện khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Phần mềm máy vi tính	4 năm

4.6. Ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước :

Các khoản phải trả thương mại và phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.7. Quỹ tiền lương :

Quỹ tiền lương tạm tính: 5.500 đồng/1.000 đồng lợi nhuận.

4.8. Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế (sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các qui định pháp lí của Việt Nam) được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế trong Quý 1 năm 2011 được tạm phân phối như sau :

- Trích quỹ dự phòng tài chính : 5%
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 25%
- Còn lại để chia cổ tức cho cổ đông

4.9. Ghi nhận doanh thu :

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.10. Chính sách thuế

- Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế 10%
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp:
 - ◆ Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm đầu (Từ năm 2004 đến năm 2013). Từ năm 2014 áp dụng thuế suất 25%.
 - ◆ Công ty được miễn 2 năm và được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 6 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Trong năm 2004 Công ty đã có thu nhập chịu thuế, Công ty được miễn thuế trong 2 năm (2004, 2005) và được giảm 50% trong 6 năm tiếp theo (Từ năm 2006 – 2011).

Những ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định trong Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành Nghị định của Chính phủ về luật thuế Thu nhập doanh nghiệp.

- Ngoài ra, Công ty còn được hưởng chế độ ưu đãi đối với các tổ chức có đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch chứng khoán Hà Nội theo công văn số 5248/TC-CST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

ngày 29/4/2005 của Bộ Tài chính về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp cho các tổ chức đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội là giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm tiếp theo (Từ năm 2012 đến 2013).

- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền :

	31/12/2012 VND	1/1/2012 VND
Tiền mặt	7,836,767	39,113,069
Tiền gửi ngân hàng	285,597,929	416,918,055
Tiền gửi có kỳ hạn (dưới 3 tháng)	10,620,098,276	6,900,000,000
Cộng	10,913,532,972	7,356,031,124

6. Các khoản phải thu khác :

	31/12/2012 VND	1/1/2012 VND
Phải thu về cổ phần hóa	23,880,000	24,180,000
Phải thu khác	125,004,225	48,735,909
Cộng	148,884,225	72,915,909

7. Hàng tồn kho :

	31/12/2012 VND	1/1/2012 VND
Nguyên liệu, vật liệu	583,529,294	1,905,443,380
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	114,005,385	161,560,445
Hàng hóa	39,126,251	290,571
Cộng	736,660,930	2,067,294,396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

8. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước :

	31/12/2012 VND	1/1/2012 VND
Thuế TNCN	13,921,834	4,519,779
Thuế nhà đất, tiền thuê đất, thuế môn bài		0
Cộng	13,921,834	4,519,779

9. Tài sản ngắn hạn khác :

	31/12/2012 VND	1/1/2012 VND
Tạm ứng	14,501,563	3,225,500
Cộng	14,501,563	3,225,500

10. Tài sản cố định hữu hình :

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, Dụng cụ QLy VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	5,351,809,656	16,882,224,443	515,413,858	47,806,701	22,797,254,658
Mua sắm trong kỳ	274,998,182	1,350,000,000		53,070,000	1,678,068,182
T/lý, nhượng bán	0	0	0	0	0
Số cuối kỳ	5,626,807,838	18,232,224,443	515,413,858	100,876,701	24,475,322,840
Khấu hao					
Số đầu kỳ	2,590,540,368	13,829,673,705	515,413,858	47,806,701	16,983,434,632
Khấu hao trong kỳ	127,002,616	1,054,484,651		4,422,500	1,185,909,767
Giảm trong kỳ	0	0	0	0	0
Số cuối kỳ	2,717,542,984	14,884,158,356	515,413,858	52,229,201	18,169,344,399
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2,761,269,288	3,052,550,738	0	0	5,813,820,026
Số cuối kỳ	2,909,264,854	3,348,066,087	0	48,647,500	6,305,978,441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 : 9.040.968.217 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình :

	Quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	609,140,000	18,000,000	627,140,000
Mua sắm trong kỳ			0
T/lý, nhượng bán	0	0	0
Số cuối kỳ	609,140,000	18,000,000	627,140,000
Khấu hao			
Số đầu kỳ		3,000,000	3,000,000
Khấu hao trong kỳ		4,500,000	4,500,000
Giảm trong kỳ	0	0	0
Số cuối kỳ	0	7,500,000	7,500,000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	609,140,000	15,000,000	624,140,000
Số cuối kỳ	609,140,000	10,500,000	619,640,000

(*) Đây là quyền sử dụng đất lâu dài tại 157 Tôn Đức Thắng – Thành phố Đà Nẵng.

Đầu tư dài hạn khác

	Số lượng	31/12/2012 VND	Số lượng	1/1/2012 VND
Đầu tư cổ phiếu		613,912,600		656,566,800
- Công ty cổ phần Sách - Thiết bị trường học TP. HCM	24,000	375,152,000	24,000	375,152,000
- Công ty cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	308	7,414,800	308	7,414,800
- Công ty cổ phần đầu tư & Phát triển giáo dục Đà Nẵng	4,200	94,345,800	3,000	84,000,000
- Công ty cổ phần học liệu Hà Nội	4,700	47,000,000	10,000	100,000,000
- Công ty cổ phần Sách - Thiết bị trường học Quảng Ngãi	6,000	60,000,000	6,000	60,000,000
- Công ty cổ phần Sách - Thiết bị Miền Trung	3,000	30,000,000	3,000	30,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (@)		-233,788,600		-289,218,800
Cộng	42,208	380,124,000	46,308	367,348,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

@ Là dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu của Công ty cổ phần STB trường học thành phố HCM (MCK STC), Công ty cổ phần sách giáo dục Hà Nội (MCK EBS), Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Đà Nẵng (MCK DAD) tại ngày 31/12/2012.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	1/1/2012 VND
Thuế GTGT đầu ra	199,541,937	0
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67,779,458	179,276,132
Thuế thu nhập cá nhân	720,850	3,758,931
Các loại thuế khác		0
Cộng	268,042,245	183,035,063

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2012 VND	1/1/2012 VND
Kinh phí công đoàn, BHXH	94,420,202	144,813,095
Phải trả về cổ phần hoá	23,880,000	39,080,000
Lãi vay phải trả		3,802,778
Các khoản phải trả, phải nộp khác	110,148,110	175,908,969
Cộng	228,448,312	363,604,842

14. Vốn chủ sở hữu

15.1. Bảng đối chiếu biến động vốn của chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ D.phòng tài chính VND	LN Sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	18,049,800,000	-60,093,500	-426,930,000	975,982,824	852,015,239	1,467,643,194
Tăng trong kỳ			-487,423,746		37,885,061	757,701,219
Giảm trong kỳ						1,416,246,367
Số dư tại 30/06/2012	18,049,800,000	-60,093,500	-914,353,746	975,982,824	889,900,300	809,098,046

15.2. Chi tiết vốn chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà xuất bản Giáo dục	3,816,000,000	3,816,000,000
Vốn của các cổ đông khác	12,639,800,000	13,775,800,000
Mệnh giá của cổ phiếu quỹ	1,594,000,000	458,000,000
Cộng	18,049,800,000	18,049,800,000

15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	30/9/2012	1/1/2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	18,049,800,000	18,049,800,000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	18,049,800,000	18,049,800,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

15.4. Cổ phiếu

	30/9/2012	1/1/2012
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.804.980	1.804.980
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu thường	1.804.980	1.804.980
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.645.580	1.759.180
- Cổ phiếu thường	1.645.580	1.759.180
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	159.400	45.800
- Cổ phiếu thường	159.400	45.800
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (ĐVT: 10.000 đồng)		

15.5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2012
	VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	1,467,643,194
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	757,701,219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Phân phối lợi nhuận và chia cổ tức	1,416,246,367
- Quỹ đầu tư phát triển bổ sung từ lợi nhuận sau thuế được miễn	0
- Trích quỹ dự phòng tài chính	37,885,062
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	189,425,305
- Chia cổ tức	1,188,936,000

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	809,098,046
--	--------------------

15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
+ Doanh thu in ấn, cắt rọc	10,801,180,170	23,021,138,217
+ Doanh thu khác	4,528,771,076	3,063,165,049
Các khoản giảm trừ doanh thu		0
+ Chiết khấu thương mại		0
+ Hàng bán bị trả lại	0	0
Doanh thu thuần về bán hàng hóa dịch vụ	15,329,951,246	26,084,303,266

16. Giá vốn hàng bán

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn in ấn, cắt rọc	9,910,431,625	20,955,210,381
Giá vốn hoạt động khác	3,610,227,667	2,183,549,181
Cộng	13,520,659,292	23,138,759,562

17. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,486,687,369	1,379,120,691
Cổ tức, lợi nhuận được chia	59,708,000	43,883,067
Cộng	1,546,395,369	1,423,003,758

18. Chi phí hoạt động tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	5,923,610	25,860,602
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-55,430,200	125,039,600
Cộng	-49,506,590	150,900,202

19. Thu nhập khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu tiền bán phế liệu	2,678,182	12,629,160
Thu nhập khác	2,123,434	116,317,138
Cộng	4,801,616	128,946,298

20. Chi phí khác

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí niêm yết, chốt danh sách cổ đông	25,000,000	15,027,500
Chi phí HĐQT, BKS không tham gia điều hành	16,200,000	32,400,000
Chi khác	38,240,000	76,521,473
	79,440,000	123,948,973

21. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1,016,545,629	1,682,046,604
+ Từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính		158,307,150
+ Từ hoạt động khác		1,523,739,454
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	18,832,011	103,049,909
<i>Điều chỉnh tăng (chi phí không hợp lệ)</i>	<i>78,540,011</i>	<i>146,932,976</i>
<i>Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)</i>	<i>59,708,000</i>	<i>43,883,067</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	1,035,377,640	
+ Từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính		305,240,123
+ Từ hoạt động khác	1,035,377,640	1,479,856,387

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Thuế thu nhập doanh nghiệp	258,844,409	431,012,121
+ Từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (20%)		
+ Từ hoạt động khác	258,844,409	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm (@)	0	49,175,938
+ Từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (50%)	0	30,524,012
+ Từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (30%)		18,651,926
+ Từ hoạt động khác	0	0
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	258,844,409	381,836,183
Lợi nhuận sau thuế TNDN	757,701,219	1,300,210,421

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	757,701,219	1,300,210,421
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	757,701,219	1,300,210,421
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1,700,070	1,759,180
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	446	739

23. Thông tin về các bên liên quan :

a, Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Năm 2012</i>
<i>Bán hàng</i>		
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	466,444,347
Nhà xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư	10,613,772,306
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	2,104,070,081
Công ty CP Sách giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	745,235,064
Công ty Sách và TB Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư	25,958,915
Công ty CP in và dịch vụ Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	93,674,865
Công ty CP in PHS và TBTH Quảng Trị	Chung công ty đầu tư	2,608,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mua hàng

Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	0
Nhà xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư	58,128,681
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	521,916,946
Công ty CP Sách giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	20,546,349
Công ty Sách và TB Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư	703,435,780

b. Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/6/2012

	Mối quan hệ	Năm 2012
Phải thu		
Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	152,944,347
Nhà xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư	1,994,784,437
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	145,317,134
Công ty CP Sách giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	181,786,000
Công ty CP in và dịch vụ Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	4,109,600
Công ty CP in PHS va TBTH Quảng Trị	Chung công ty đầu tư	0

Giám đốc

Kế toán trưởng

Phan Quang Thân

Đinh Châu Tâm Hạnh

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 1 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
HÒA PHÁT**

Trụ sở chính : 157 Tôn Đức Thắng - Đà Nẵng
Điện thoại : 0511 - 3680057 - 3841257

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ____/CV

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 1 năm 2013

**V/v “ Giải trình lợi nhuận Quý 4.2012 giảm hơn
10% so với cùng kì năm 2011”**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Theo báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 4 năm 2012 thì lợi nhuận sau thuế Quý 4/2012 của Công ty cổ phần in sách giáo khoa Hòa Phát đạt 87.221.718 đồng giảm hơn 10% so với cùng kì năm 2011. Công ty xin báo cáo những nguyên nhân sau đây :

- Trong Quý 4 năm 2012, Công ty kí kết hợp đồng in với các đơn vị Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam chậm hơn những năm trước nên sản lượng của Quý 4 năm 2012 giảm hơn nhiều so với Quý 4 năm 2011. Do vậy, doanh thu và lợi nhuận trong Quý 4 năm 2012 cũng giảm theo.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2012	Năm 2011	% So CK
Trang in thành phẩm 17x24	Trang	79.962.284	141.083.380	56,67%
Tổng doanh thu	Đồng	2.558.667.417	3.674.199.814	69,94%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	112.608.958	297.799.266	37,8%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	87.221.718	178.466.097	49,87%

- Giá cả vật tư đầu vào của ngành in như mực, kẽm, keo... và điện, nước, xăng dầu ... năm 2012 tiếp tục tăng trong khi giá công in không thay đổi so với năm 2011 nên ảnh hưởng lớn đến chi phí và lợi nhuận của Công ty.

Trân trọng báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN SGK HÒA PHÁT
GIÁM ĐỐC

PHAN QUANG THÂN

Nơi gửi :

- Như trên
- Lưu